

## TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐẾN XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO TẠI XÃ CHIỀNG YÊN, HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA

**Đặng Thị Hoa<sup>1</sup>, Đặng Văn Phúc<sup>2</sup>**

<sup>1,2</sup>*Trường Đại học Lâm nghiệp*

### TÓM TẮT

Xóa đói giảm nghèo là vấn đề rất quan trọng của mỗi quốc gia, nhất là đối với khu vực nông thôn. Phát triển nông thôn gắn liền với công tác xóa đói giảm nghèo là cơ sở và tiền đề để ổn định kinh tế, chính trị, xã hội và nền tảng cho phát triển nền kinh tế mỗi quốc gia. Vấn đề nghèo đói được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm kể từ năm 1992. Công tác xóa đói giảm nghèo đã được triển khai mạnh mẽ ở hầu hết các tỉnh, nhất là các vùng nghèo, xã nghèo ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra đó, những năm qua Chính phủ đã xây dựng và thực hiện nhiều Chương trình, Dự án đầu tư phát triển nông thôn nhằm phát triển toàn diện, giảm khoảng cách giữa thành thị - nông thôn, giảm tỷ lệ nghèo đói... Bài viết này nhằm cung cấp những tác động của một số chương trình phát triển nông thôn (134, 135) đến xóa đói giảm nghèo tại xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

**Từ khóa:** Chương trình, phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình phát triển nông nghiệp nông thôn, đói nghèo không chỉ là vấn đề của một vùng, một quốc gia, mà nó còn là vấn đề cấp bách của toàn nhân loại. Với thực tế đó, Việt Nam - một quốc gia đang phát triển, có tỷ lệ đói nghèo cao, là vấn đề đã và đang là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Vấn đề xóa đói giảm nghèo luôn được chú trọng và là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, đặc biệt trong thời kỳ Việt Nam đang thực hiện công cuộc Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở nước ta hiện nay, việc xóa đói, giảm nghèo đang hướng mạnh tới thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Đây là vấn đề có liên quan tới công bằng, bình đẳng xã hội, ảnh hưởng tới sự ổn định chính trị. Vấn đề này được nhấn mạnh trong nhiều văn kiện của Đảng, trở thành hệ thống quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Đảng và Nhà nước ta đã có những định hướng, chính sách và biện pháp giải quyết vấn đề đói nghèo cho từng địa phương, từng đối tượng cụ thể như nâng cao thu nhập và chất

lượng cuộc sống của nhân dân; tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội; thực hiện có hiệu quả hơn chính sách giảm nghèo phù hợp với từng thời kỳ; đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức để bảo đảm giảm nghèo bền vững, nhất là tại các huyện nghèo nhất và các vùng đặc biệt khó khăn; khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tăng nhanh số hộ có thu nhập trung bình khá trở lên; có chính sách và các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế phân hoá giàu nghèo, giảm chênh lệch về mức sống giữa nông thôn với đô thị. Các chủ trương chính sách xóa đói giảm nghèo được cụ thể hóa bằng các chương trình, các dự án đã và đang triển khai ở các địa phương trên cả nước như chương trình khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo; chương trình phát triển nông thôn, thủy lợi, giao thông; chương trình định canh định cư; chương trình tư vấn, dịch vụ, chuyển giao khoa học công nghệ; chương trình giải quyết việc làm; chương trình tín dụng; chương trình giáo dục, y tế; chương trình bảo vệ môi trường...

Chiềng Yên là xã vùng III miền núi, thuần nông lâm, nguồn thu của của nhân dân trong xã

chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Chiềng Yên có 8 dân tộc anh em chung sống đoàn kết, hầu hết dân số của xã là đồng bào dân tộc thiểu số như: Dao, Thái, Mường, Mông... sống chủ yếu dựa vào việc trồng trọt, chăn nuôi. Chiềng Yên thuộc đối tượng đầu tư của một số chương trình, dự án phát triển của Chính Phủ. Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, một số chính sách đã được triển khai trên địa bàn xã như Chương trình 134, Chương trình 135, Chương trình hỗ trợ các xã nghèo về cơ sở hạ tầng, điều kiện sinh hoạt, hỗ trợ sản xuất... Từ khi triển khai các chương trình phát triển nông thôn trên địa bàn xã, đời sống của bà con trong xã được cải thiện đáng kể, điển hình là bản Leo, bản Suối Mực, bản Nà Bai là ba bản nhận được nhiều hỗ trợ từ chương trình 134, 135. Các chương trình phát triển nông thôn đã đem lại nhiều chuyển biến tích cực như góp phần trong công tác xóa đói giảm nghèo, cải thiện bộ mặt của xã về kinh tế - văn hóa – xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, thúc đẩy sản xuất, giao thông hàng hóa giữa các địa bàn lân cận, giảm ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các chính sách xóa đói giảm nghèo vẫn còn tồn tại một số hạn chế như trình độ văn hóa và chuyên môn của cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế, việc thực hiện và thi công các chương trình còn chậm chạp và thiếu tính khoa học; việc phổ biến, tuyên truyền các chính sách, chương trình đến người dân còn chưa sát sao; công tác điều tra các hộ thuộc diện chính sách, được hỗ trợ còn chưa được công bằng; công tác quản lý, giám sát chất lượng các công trình còn lơ lửng. Do vậy, cần có những công trình nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của chương trình phát triển nông thôn tới công tác xóa đói giảm nghèo tại xã Chiềng Yên.

## **II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Nội dung nghiên cứu**

- Tác động của Chương trình 134, 135 đến tăng trưởng kinh tế của xã Chiềng Yên.
- Tác động của Chương trình 134, 135 đến tỷ lệ hộ nghèo của xã Chiềng Yên.
- Tác động của Chương trình 134, 135 đến xã hội của xã Chiềng Yên.
- Tác động của Chương trình 134, 135 đến môi trường của xã Chiềng Yên.
- Tác động của Chương trình 134, 135 đến kinh tế của các hộ điều tra.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp thu thập số liệu: Kết quả bài viết này sử dụng số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp. Số liệu thứ cấp được thu thập thông qua các báo cáo đã được công bố qua sách, báo, tạp chí, website, các báo cáo tổng kết có liên quan. Chiềng Yên là xã vùng III miền núi có 14 bản, trong đó các bản thuộc đối tượng thực thi chính sách 134, 135 là bản Leo, bản Niên, bản Nà Bai, bản Pà Puộc, bản Bướn, bản Cò Bá, bản Cò Hào. Do vậy, số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 100 hộ thuộc 4 bản là đối tượng thực thi chính sách 134, 135 của xã Chiềng Yên (bản Leo, bản Niên, bản Nà Bai, bản Pà Puộc).

- Phương pháp phân tích số liệu: thống kê mô tả, so sánh và tổng hợp.

## **III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **3.1. Tác động đến tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế của xã Chiềng Yên**

Tác động của chương trình 134, 135 đến tăng trưởng kinh tế của xã Chiềng Yên được tổng hợp ở bảng 1 cho thấy: Thu nhập toàn xã và thu nhập bình quân đầu người tăng ổn định qua các giai đoạn, tổng thu nhập cho cả giai đoạn 2001 – 2015 tăng bình quân 12,65%, thu nhập bình quân đầu người/năm tăng bình quân 9,2%. Những kết quả này có được là do sự tác động của các chương trình PTNT đến công tác xóa đói giảm nghèo tại xã Chiềng Yên.

**Bảng 1. Tình hình tăng trưởng kinh tế của xã qua các năm**

TT	Chỉ tiêu	GĐI:	GĐII:	GĐIII:	So sánh (%)		
		2001-2005	2006-2010	2011-2015	GĐII/GĐI	GĐIII/GĐII	BQ
		GT (tr.đ)	GT (tr.đ)	GT (tr.đ)			
<b>I</b>	<b>Tổng thu nhập</b>	<b>35.460</b>	<b>39.260</b>	<b>45.010</b>	<b>110,7</b>	<b>114,6</b>	<b>112,65</b>
	Nông, lâm, thủy sản	22.310	25.450	28.454	114,1	111,8	112,95
	Chăn nuôi	11.250	11.610	13.536	103,2	116,6	109,9
	XDCB - TTCN	0	0	0	0	0	0
	TM – dịch vụ	1.900	2.200	3.020	115,8	137,3	126,55
<b>II</b>	<b>Tổng số dân</b>	<b>3.585</b>	<b>3.640</b>	<b>3.799</b>			
<b>III</b>	<b>TNBQ người/năm</b>	<b>9,891</b>	<b>10,785</b>	<b>11,8</b>	<b>109,0</b>	<b>109,4</b>	<b>109,2</b>
<b>IV</b>	<b>TNBQ người/tháng</b>	<b>0,824</b>	<b>0,898</b>	<b>0,987</b>	<b>108,9</b>	<b>109,9</b>	<b>109,4</b>

Nguồn: UBND xã Chiềng Yên

Những lĩnh vực chính mà các Chương trình này tác động tới như nông nghiệp, thương mại – dịch vụ có mức tăng rõ rệt, đặc biệt là ngành thương mại dịch vụ với mức tăng trung bình cả giai đoạn 2001 – 2015 là 26,55%. Chưa có sự đóng góp nào từ xây dựng cơ bản và tiêu thụ công nghiệp mặc dù rất nhiều công trình xây dựng tại cơ sở xã nhưng đều do các lao động từ bên ngoài vào làm không đem lại nguồn thu

nhập trực tiếp cho địa phương.

### 3.2. Tác động đến tỷ lệ hộ nghèo của xã Chiềng Yên

Xã Chiềng Yên là một xã nghèo, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã những năm gần đây thường cao. Từ khi có Chương trình của Chính phủ với mục tiêu xóa đói giảm nghèo, xã Chiềng Yên đã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp, giải pháp đưa ra.

**Bảng 2. Tình hình hộ nghèo của xã Chiềng Yên giai đoạn 2012-2015**

Chỉ tiêu	Năm				So sánh (%)			Bình quân
	2012	2013	2014	2015	2013/2012	2014/2013	2015/2014	
Tổng số hộ	936	939	943	950	100,32	100,43	100,74	101,50
Số hộ nghèo	618	612	604	595	99,03	98,69	98,51	96,28
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	66,03	65,18	64,05	62,63	98,71	98,27	97,78	94,86

Nguồn: UBND xã Chiềng Yên

Bảng 2 cho thấy tỷ lệ hộ nghèo đối năm 2015 so với năm 2012 giảm 3,72%, đây là kết quả của các chương trình phát triển nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Năm 2012, tỷ lệ hộ nghèo đói vẫn chiếm tỷ lệ lớn 66,03% là do Nhà nước áp dụng chuẩn nghèo mới cho giai đoạn 2011 – 2015. Mức chênh lệch chuẩn nghèo vùng nông thôn của giai đoạn 2006 – 2010 và giai đoạn 2011 – 2015 từ dưới 200.000 lên mức dưới 400.000 đồng/người/tháng, trong khi mức tăng tỷ lệ hộ nghèo giữa 2 giai đoạn này là hơn 50%, chứng

tỏ những người có thu nhập trung bình từ trên 200.000 đồng đến dưới 400.000 đồng chiếm hơn 50% số dân trong xã, nghĩa là hơn 50% số dân trong xã Chiềng Yên lại thuộc diện nghèo khi áp dụng chuẩn nghèo mới. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 so với năm 2012 giảm 3,43%, cho thấy công tác xóa đói giảm nghèo của xã được thực hiện tốt. Những con số đáng khích lệ trên là kết quả của việc thực hiện tốt các Chương trình phát triển nông thôn, việc hỗ trợ về nguồn lực sản xuất đã làm tăng thu nhập và giảm chi phí cho người nông dân, giúp người nông dân

tăng thu nhập, từ đó thoát nghèo thành công và bền vững.

### 3.3. Tác động đến xã hội của xã Chiềng Yên

Văn hóa sinh hoạt cộng đồng là một phong tục văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Người dân trong xã là các dân tộc Mường, Thái, Dao, Kinh, Khơ Mú, nên việc sinh hoạt cộng đồng là rất quan trọng. Năm bắt được tâm lý đó, Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến đời sống văn hóa tinh thần của người dân trong xã, thông qua các chương trình đầu tư trên địa bàn xã, cơ sở hạ tầng được xây dựng, hệ thống giao thông được cải thiện, các tuyến đường liên thôn được mở rộng, bê tông hóa, các bản được đầu tư xây dựng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, thư viện. Nhờ đó, các hoạt động tập thể ngày càng diễn ra phong phú và sôi nổi, các phong trào quần chúng, thể dục thể thao như bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, bóng đá

được phát triển, phục vụ nhu cầu giải trí, rèn luyện của người dân.

Các khóa tập huấn về kinh nghiệm sản xuất cũng được mở nhiều hơn, tại đó, người dân có thể trao đổi và học hỏi kinh nghiệm, làm thu hẹp khoảng cách giữa mọi người. Người dân được tiếp cận với nhiều nguồn thông tin, thu nhập dần tăng lên, đồng nghĩa với việc các loại hình dịch vụ cũng được sử dụng nhiều hơn, tiếp cận lối sống văn minh, hiện đại.

#### 3.3.1. Tác động đến việc làm cho người lao động của xã Chiềng Yên

Với mục tiêu phát huy tốt vai trò của người dân trong các chương trình phát triển nông thôn, người dân có được việc làm bằng cách tham gia tích cực vào việc thực hiện các dự án, các công trình. Các chương trình hỗ trợ vốn, giống cây trồng, vật nuôi, đã tạo cho người dân công ăn việc làm.

**Bảng 3. Thực trạng số người thất nghiệp xã Chiềng Yên**

Bản, Tiểu khu	Giai đoạn, năm (số người)				So sánh (%)			
	GĐ I: 2000 - 2005	GĐ II: 2006 - 2010	2014	2015	GĐ II/ GĐ I	2014/ GĐII	2015/ 2014	BQ
Leo	20	17	12	9	85	70,6	75	76,9
Bóng Hà	21	17	15	13	81	88,2	86,7	85,3
Phà Lè	19	14	16	15	73,7	106,7	93,7	91,4
Suối Mực	20	18	18	16	90	100	88,9	93
Piềng Chà	25	18	15	13	72	83,3	86,7	80,7
Pà Puộc	14	13	11	12	92,9	84,6	109,1	95,5
Phụ Mẫu I	18	15	14	15	83,3	93,3	107,1	81,6
Phụ Mẫu II	16	14	10	9	87,5	71,4	90	83
Cò Bá	15	13	15	16	86,7	115,4	106,7	102,9
Bưót	17	15	15	11	88,2	100	73,3	87,2
Tiểu Khu 14	12	10	8	5	83,3	80	62,5	75,3
Niên	23	19	17	17	82,6	89,5	100	90,7
Nà Bai	30	25	19	15	83,3	76	78,9	79,4
Cò Hào	10	10	8	7	100	80	87,5	89,2
<b>Tổng</b>	<b>260</b>	<b>218</b>	<b>193</b>	<b>173</b>	<b>83,5</b>	<b>88,5</b>	<b>89,6</b>	<b>87,2</b>
<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>16,6</b>	<b>12,7</b>	<b>9,3</b>	<b>8,4</b>				

Nguồn: UBND xã Chiềng Yên

So sánh giai đoạn I và giai đoạn II của Chương trình 135, ta thấy tỷ lệ thất nghiệp đã giảm mạnh từ 16,6% xuống còn 12,7%, công tác giảm tỷ lệ thất nghiệp được thực hiện có hiệu quả nhất ở 1 số bản như bản Leo và bản Nà Bai, điều này cho thấy giai đoạn II mang lại kết quả rất lớn trong công tác giảm tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn xã, hay nói cách khác là giai đoạn II đã tạo ra nhiều việc làm hơn giai đoạn I vì số người thất nghiệp có xu hướng giảm. Hiện nay, tại xã Chiềng Yên vẫn đang triển khai nhiều giai đoạn của chương trình 135, chương trình nông thôn mới, điều này có thể sẽ hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong tương lai.

**3.3.2. Tác động đến tệ nạn xã hội của xã Chiềng Yên**

Theo số liệu báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã Chiềng Yên năm 2005, và giai đoạn 2006 – 2015, cho thấy tỷ lệ thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, trật tự nơi công cộng, mắc vào tệ nạn xã hội đã giảm hẳn. Cụ thể, tỷ lệ này năm 2005 là 13,4% và bình quân giai đoạn 2006 – 2015 là 7,2%. Đến cuối năm 2015, theo tổng kết của công an xã Chiềng Yên thì tỷ lệ vi phạm pháp luật, trật tự công cộng, mắc tệ nạn xã hội còn 2%. Nguyên nhân của sự giảm tỷ lệ này chủ yếu là do sự tác động của các chương trình phát triển nông thôn, một

trong những mục tiêu của các chương trình này là tận dụng nguồn lao động sẵn có trên địa bàn, tham gia tích cực vào việc thực hiện các chương trình, như xây dựng các công trình công cộng, tu sửa đường xá, cầu cống nguồn vốn hỗ trợ khuyến khích dân làm kinh tế. Người dân có việc làm, tăng thu nhập cho gia đình, hạn chế được hiện tượng “*nhàn cư vi bất thiện*” Khi thu nhập của các hộ gia đình được cải thiện, điều kiện sống được nâng lên, sẽ hạn chế những hành vi trộm cắp tài sản, vi phạm trật tự xã hội và tệ nạn xã hội.

**3.3.3. Tác động đến y tế và giáo dục của xã Chiềng Yên**

\* **Về y tế:** Hiện tại xã có 1 trạm y tế, với các trang thiết bị cơ bản và cần thiết phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Lướt người được khám chữa bệnh trước và sau khi có các chương trình hỗ trợ đã tăng mạnh, nguyên nhân của sự tăng này là do trạm y tế được đầu tư xây dựng, nâng cấp, được cung cấp thêm những trang thiết bị cần thiết, phục vụ việc khám chữa bệnh tốt hơn. Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng qua các giai đoạn luôn đạt con số 100%. Số trẻ em được uống Vitamin A tăng đáng kể. Thẻ bảo hiểm y tế được cấp cho người dân, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí trong việc khám và chữa bệnh tại các trung tâm y tế.

**Bảng 4. Tình hình y tế, giáo dục xã Chiềng Yên**

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn		
			2000 -2005	2006- 2010	2011 - 2015
<b>I. Y tế</b>					
1.	Lướt người được khám bệnh	Lướt	1.459	1.675	1.823
2.	Tiêm chủng trẻ em dưới 1 tuổi	%	100	100	100
3.	Trẻ em 6 – 11 tuổi được uống Vitamin A	Người	357	478	692
<b>II. Giáo dục</b>					
1.	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đến trường	%	83	96	100
2.	Tỷ lệ học sinh học phổ thông và các bậc học cao hơn	%	14	34	56

*Nguồn: UBND xã Chiềng Yên*

\* **Về giáo dục:** Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường trước và sau khi có các chương trình hỗ trợ tăng gần 20%. Giai đoạn 2011 - 2015, tỷ lệ trẻ em đến trường đúng độ tuổi là 100% và tỷ lệ học sinh học phổ thông đã đạt 56%. Những năm gần đây, luôn có những học sinh cố gắng vượt khó đạt điểm cao trong các kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng.

Nhìn chung, qua những con số trên, cho thấy công tác giáo dục và y tế sau khi có sự đầu tư của các chương trình phát triển nông thôn đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, chất lượng dạy học, khám chữa bệnh vẫn còn là một bài toán khó, cần sự kết hợp của nhiều cấp, nhiều ban ngành trong giải quyết những vấn đề này nhất là với một xã chiếm tới 95% là đồng bào dân tộc thiểu số.

### 3.4. Tác động đến môi trường của xã Chiềng Yên

Mục tiêu của các chương trình phát triển nông thôn là phát triển theo hướng bền vững, có nghĩa là việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ, nâng cao chất lượng môi trường. Các chương trình phát triển này góp phần bảo vệ hệ sinh thái tại địa phương. Thông qua các dự án giao đất giao rừng cho người dân trồng và quản lý, chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, một phần làm tăng thu nhập của người dân, mặt khác làm

giảm các hoạt động chặt phá rừng bừa bãi, đốt nương làm rẫy. Các đợt tập huấn, hướng dẫn các kỹ thuật và phương thức chăn nuôi giúp người dân biết cách chăn thả gia súc, gia cầm đúng nơi, tránh ô nhiễm môi trường nước và môi trường không khí, làm giảm các loại bệnh như da liễu, tiêu hóa...

Cụ thể: những năm về trước, người dân tộc Mường (bản Nà Bai), Thái (bản Niên, Bồng Hà) có tập quán ở nhà sàn, các loại gia súc gia cầm như trâu, bò, lợn gà được chăn thả ngay bên dưới gầm nhà sàn, gây mất vệ sinh trong sinh hoạt của người dân, ô nhiễm không khí và ô nhiễm nguồn nước. Từ khi có sự đầu tư của Chính phủ, các nhà sàn dần được thay thế bằng nhà xây kiên cố, gia súc gia cầm được nuôi nhốt trong chuồng trại, cách ly với ngôi nhà và nguồn nước sử dụng. Hiện nay, ở các bản trong xã đều có tổ bảo vệ rừng của bản để tham gia công tác tuyên truyền và bảo vệ khu rừng được xã phân công, vì vậy đã hạn chế tương đối nạn phá rừng làm nương, nạn săn bắt thú rừng đã giảm so với những năm về trước.

### 3.5. Các tác động đến kinh tế của các hộ điều tra

#### 3.5.1. Tác động về vốn

Tình hình vay vốn và hỗ trợ vốn từ các chương trình phát triển nông thôn của các hộ điều tra được thể hiện trong bảng 5.

**Bảng 5. Vốn cho SXKD và XDCB của các hộ điều tra**

	Chỉ tiêu	Lãi suất (%/tháng)	Số lượng (1000đ)	Cơ cấu (%)
<b>1. Vốn SXKD</b>	Vốn tự có		112.100	7,5
	Vốn vay NHNN và PTNT	1	220.000	14,5
	Vốn vay NHCSXH huyện Vân Hồ	0,6	456.000	30,1
	Vốn CT 135 hỗ trợ không hoàn lại			
	Cây giống	0	210.400	13,9
	Con giống	0	325.000	21,5
	Thức ăn chăn nuôi, phân bón	0	0	0
	<b>Tổng vốn SXKD</b>		<b>1.323.500</b>	<b>87,5</b>
<b>2. Vốn XDCB</b>	Vốn tự có		13.400	0,9
	Vốn vay NHCSXH huyện Vân Hồ	0,6	82.000	5,4
	Vốn địa phương hỗ trợ	0	20.600	1,36
	Vốn CT 134 hỗ trợ không hoàn lại	0	73.000	4,83
	<b>Tổng vốn XDCB</b>		<b>189.000</b>	<b>12,5</b>
	<b>Tổng vốn</b>		<b>1.512.500</b>	<b>100</b>

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra tháng 3,4 năm 2016

Bảng 5 cho thấy số trong cơ cấu vốn SXKD, chủ yếu là vốn người dân vay ngân hàng. Vốn từ Chương trình 135 hỗ trợ không hoàn lại chiếm 35,4%, bao gồm hỗ trợ về cây giống, con giống... sự hỗ trợ này đã làm giảm tương đương 35,4% chi phí sản xuất mà người dân phải bỏ ra, đồng thời có tác động không nhỏ đến công tác khuyến khích sản xuất nông nghiệp: hỗ trợ những cây giống, con giống có khả năng chống chịu tốt, rút ngắn thời gian chăn nuôi, canh tác, cho năng suất cao, giúp người dân tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống.

Về cơ cấu vốn XDCB, trong số 100 hộ điều tra, có 10 hộ thuộc đối tượng đầu tư của chương trình 134, được hỗ trợ về xây dựng nhà

ở. Mỗi hộ được Chương trình hỗ trợ số tiền 7.300.000 đồng/hộ, địa phương hỗ trợ 2.060.000 đồng/hộ, Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Vân Hồ cho vay số tiền 8.200.000 đồng/hộ, với mức lãi suất ưu đãi là 0,6%/tháng. Tổng vốn xây dựng cơ bản của các hộ điều tra là 189.000.000 đồng. Chương trình hỗ trợ này giúp những người nghèo có hoàn cảnh khó khăn xóa nhà tạm, có được cuộc sống ổn định hơn, từng bước nâng cao thu nhập và mức sống cho gia đình.

**3.5.2. Tác động đến chi phí**

Thực trạng hỗ trợ các loại chi phí cho SXNN được thể hiện ở bảng 6 và 7.

**❖ Đối với chi phí vật nuôi:**

**Bảng 6. Chi phí vật nuôi của các hộ điều tra**

Vật nuôi	Thời gian/lứa (tháng)	Chi phí (1.000đ)		Dịch vụ thú y (1.000đ)	Tổng chi phí (1.000đ)	Hỗ trợ từ chương trình 135	
		Giống	Thức ăn			Số vốn (1.000đ)	Tỷ lệ vốn/tổng CP (%)
Trâu	12	230.000	95.500	6.000	331.500	230.000	28,5
Bò	12	200.000	92.000	6.000	298.000	200.000	24,8
Lợn	6	120.000	50.000	6.000	176.000	120.000	14,9
<b>Tổng</b>		<b>550.000</b>	<b>237.500</b>	<b>18.000</b>	<b>805.500</b>	<b>550.000</b>	<b>68,2</b>

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra tháng 3,4 năm 2016*

Bảng 6 thể hiện các loại chi phí cho những vật nuôi chính mang lại thu nhập cho các hộ dân, chủ yếu là gia súc. Các chương trình PTNT hỗ trợ chi phí chăn nuôi của các hộ gia đình bằng cách hỗ trợ không hoàn lại tất cả các loại con giống (trâu, bò và lợn nuôi với mục đích sinh sản), người nuôi chỉ chịu chi phí thức ăn và chi phí chăm sóc thú y. Tổng chi phí hỗ trợ của Chương trình 135 là 550.000 triệu đồng, chiếm 68,2% tổng chi phí chăn nuôi. Trong đó hỗ trợ về trâu, bò là nhiều hơn cả, chiếm 53,3% tổng chi phí chăn nuôi.

**❖ Đối với chi phí cây trồng chính:**

Bảng 7 cho thấy năm 2015, Chương trình 135 hỗ trợ cho ngành trồng trọt bằng hình thức hỗ trợ các loại cây giống như lúa, ngô... Đây là các loại giống tốt, cho năng suất cao. Tuy

nhiên, các loại phân bón như đạm, kali, NPK là do các hộ dân tự mua. Tổng số tiền hỗ trợ của Chương trình 135 là 25.570 triệu đồng, chiếm 15,7% tổng chi phí cho ngành trồng trọt. Trong đó chỉ hỗ trợ về giống cây trồng, do phải hỗ trợ với cho tất cả các hộ nghèo trong toàn xã và hỗ trợ cả chăn nuôi và trồng trọt nên Chương trình 135 chỉ hỗ trợ con giống, cây giống và kỹ thuật sản xuất. Tuy vậy, những sự hỗ trợ hữu ích này làm giảm chi phí mà người dân phải bỏ ra, đồng thời giúp người dân tăng thu nhập, nâng cao mức sống.

**3.5.3. Tác động đến thu nhập**

Kết quả điều tra 100 hộ cho thấy tác động tích cực của các chương trình, dự án được đầu tư trên địa bàn xã tới tổng thu nhập, cơ cấu thu nhập và thu nhập bình quân của các hộ được điều tra.

Bảng 7. Chi phí cây trồng chính của các hộ điều tra

Chi phí		ĐVT	Cây lúa	Cây ngô	Tổng	Hỗ trợ từ Chương trình 135	
						Tính thành tiền (1.000đ)	Tỷ lệ hỗ trợ/ tổng CP (%)
<b>1. Chi phí vật chất</b>							
a. Giống	Số lượng	Kg	255	340			
	Giá	đ/kg	25.000	85.000		25.570	15,7
	Thành tiền	1.000đ	<b>6.375</b>	<b>28.900</b>	<b>35.275</b>		
b. Phân chuồng	Số lượng	Khối	120	90			
	Giá	đ/khối	400.000	400.000		0	0
	Thành tiền	1.000đ	<b>48.000</b>	<b>36.000</b>	<b>84.000</b>		
c. Đạm	Số lượng	Kg	65	310			
	Giá	đ/kg	14.000	14.000		0	0
	Thành tiền	1.000đ	<b>910</b>	<b>4.340</b>	<b>5.250</b>		
d. Kali	Số lượng	Kg	70	310			
	Giá	đ/kg	14.000	14.000		0	0
	Thành tiền	1.000đ	<b>980</b>	<b>4.340</b>	<b>5.320</b>		
e. NPK	Số lượng	Kg	85	340			
	Giá	đ/kg	6.000	6.000		0	0
	Thành tiền	1.000đ	<b>510</b>	<b>2.040</b>	<b>2.550</b>		
f. Thuốc trừ sâu		1.000đ	5.000	0	<b>5.000</b>	0	0
<b>2. Chi phí lao động</b>			LĐ gia đình	LĐ gia đình		0	0
<b>3. Chi phí dịch vụ</b>						0	0
a. Thuê cày bừa		1.000đ	25.500	0	<b>25.500</b>		
b. Phí bảo vệ nội đồng		1.000đ		0	<b>0</b>		
<b>Tổng chi phí</b>		1.000đ		<b>162.895</b>		<b>25.570</b>	<b>15,7</b>

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra tháng 3,4 năm 2016



**Bảng 8. Thu nhập của 100 hộ điều tra**

*DVT: 1000đ*

Chỉ tiêu	Cây trồng	Vật nuôi, thủy sản
Doanh thu	2.580.000	1.860.900
Chi phí	162.895	805.500
Thu nhập	2.417.105	1.055.400
Thu nhập khác	58.000	
Tổng thu nhập	3.472.505	
<b>TNBQ người/năm</b>	7.388	
<b>TNBQ người/tháng</b>	616	

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra tháng 3, 4 năm 2016*

Bảng 8 cho thấy được thu nhập từ ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng rất lớn, khoảng hơn 2/3 tổng thu nhập của các hộ điều tra. Đó là kết quả của các Chương trình PTNT, qua các hướng đầu tư như hỗ trợ giống tốt, chuyển giao kỹ thuật sản xuất, canh tác. Thu nhập khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu nhập, cho thấy nguồn thu chủ yếu của người dân là từ

hoạt động sản xuất nông nghiệp. Thu nhập bình quân người/tháng là trên 600.000 đồng, vượt xa so với chuẩn nghèo là 400.000 đồng, cho thấy mức sống của người dân được nâng lên, công tác xóa đói giảm nghèo được thực hiện khá tốt, đa số các hộ trong phạm vi điều tra đều đã và đang dần thoát nghèo.

**Bảng 9. Tình hình nghèo đói của các hộ điều tra**

Chỉ tiêu	Trước khi có 135 và 134	Sau khi có 135 và 134 (năm 2015)
<b>Tổng số hộ</b>		<b>100</b>
Hộ nghèo (thu nhập dưới 400.000 đồng/người/tháng)	99	13
Hộ cận nghèo (thu nhập từ 401.000 đến 520.000 đồng/người/tháng)	1	58
Hộ thoát nghèo (thu nhập trên 520.000 đồng/người/tháng)	0	29

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra tháng 3,4 năm 2016*

Bảng 9 cho ta thấy sự chuyển biến tích cực về tình hình nghèo đói trong phạm vi nghiên cứu: số hộ nghèo trước khi có các Chương trình phát triển nông thôn là 99 hộ, sau khi các Chương trình này được triển khai, số hộ nghèo giảm đáng kể, qua kết quả điều tra tháng 3 và tháng 4, số hộ nghèo trong mẫu 100 hộ đại diện chỉ còn 13 hộ. Trên thực tế điều tra thì nhiều hộ dù đã thoát nghèo nhưng vẫn xin trở

thành hộ nghèo để hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước vì vậy số hộ nghèo và cận nghèo rất cao so với thực tế. Hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo hiện nay chiếm tới 87% số hộ được điều tra. Điều đó cho thấy những tác động tích cực không nhỏ của các chương trình hỗ trợ tới đời sống của người dân, giúp người dân từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Chiềng Yên là một xã nghèo vùng núi, thuộc một trong những xã đặc biệt khó khăn. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu của đời sống, sinh hoạt và sản xuất thiếu về số lượng và kém về chất lượng. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chủ yếu là sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, việc thực hiện, triển khai các Chương trình phát triển nông thôn trên địa bàn xã là rất cần thiết để nâng cao đời sống của người dân trong xã lên mặt bằng chung của xã hội.

Trong những năm qua, đã có nhiều Chương trình, Dự án PTNT được thực hiện trên địa bàn xã Chiềng Yên như Chương trình 134, Chương trình 135 theo các giai đoạn... Với các hình thức hỗ trợ xây dựng và tu bổ cơ sở hạ tầng, khuyến khích phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân... cho đến nay đã thu được những thành quả nhất định. Có thể thấy rõ nhất là sự phát triển về kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, năm 2015, các ngành XD, CB – TTCN đang dần hình thành và ngành dịch vụ đóng góp vai trò với khoảng 6,73% cơ cấu thu nhập của xã. Công tác xóa đói giảm nghèo được thực hiện tốt, giai đoạn 2012 – 2015, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 66,03% xuống còn 60,5%. Thu nhập bình quân của xã đạt khoảng 11,8 triệu đồng/người/năm, xấp xỉ thu nhập bình quân toàn huyện. Các chỉ tiêu về xã hội cũng được cải thiện đáng kể. Về y tế, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng luôn đạt 100% qua các giai đoạn. Trước và sau khi có tác động của các Chương

trình, số trẻ em được uống Vitamin A tăng 2 lần. Về giáo dục, trẻ Mầm non 5 tuổi được ra lớp đạt 100%, phổ cập Tiểu học và THCS là 99%.

Bên cạnh những tác động tích cực của các Chương trình, vẫn còn tồn tại một số yếu điểm và hạn chế trong công tác thực hiện cần được khắc phục như: tốc độ triển khai thực hiện các Chương trình chậm, công tác quản lý bộc lộ nhiều yếu kém, chưa thu hút được sự quan tâm của người dân... Nguyên nhân là do trình độ quản lý của cán bộ cơ sở còn thấp, công tác tuyên truyền chưa tốt, nguồn vốn còn hạn chế. Để phát huy những điểm mạnh và đẩy lùi những khó khăn, hạn chế, chúng ta cần có các hoạt động đồng bộ của các ban ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, cần có sự đồng lòng của cán bộ nhân dân trong quá trình thực hiện, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của các Chương trình PTNT tới công tác xóa đói giảm nghèo trên địa bàn xã Chiềng Yên.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. UBND xã Chiềng Yên (2005), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 134 giai đoạn 2001 – 2005*, Chiềng Yên, Vân Hồ, Sơn La.
2. UBND xã Chiềng Yên (2005), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2001 – 2005*, Chiềng Yên, Vân Hồ, Sơn La.
3. UBND xã Chiềng Yên (2010), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 134 giai đoạn 2005 – 2010*, Chiềng Yên, Vân Hồ, Sơn La.
4. UBND xã Chiềng Yên (2010 - 2015), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng*, Chiềng Yên, Vân Hồ, Sơn La.
5. UBND xã Chiềng Yên (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, III, trên địa bàn xã Chiềng Yên*, Chiềng Yên, Vân Hồ, Sơn La.

**EFFECT OF RURAL DEVELOPMENT PROGRAMS  
TO POVERTY REDUCTION IN CHIENG YEN COMMUNE,  
VAN HO DISTRICT, SON LA PROVINCE**

**Dang Thi Hoa<sup>1</sup>, Dang Van Phuc<sup>2</sup>**

*<sup>1,2</sup>Vietnam National University of Forestry*

**SUMMARY**

Poverty reduction is a critical issue of any country, especially in rural areas. Rural development, which is associated with the work of poverty reduction, is the basis and precondition for economic stability, politic, society and platform for economic development of each country. Poverty issues have been specially interested by Party and State since 1992. Work of poverty reduction has been powerfully implemented in almost all provinces, especially poor areas, poor communes in northern mountainous part. In order to solve the problems, the Government has built and implemented many programs, investment projects for rural development to develop comprehensively and shorten the gap between urban – rural, reduce poverty levels... in many years. This article aims to provide the effect of some rural development programs (134, 135) on poverty reduction in Chieng Yen commune, Van Ho district, Son La province.

**Keywords: Poverty reduction, program, rural development.**

**Ngày nhận bài** : 15/8/2016  
**Ngày phản biện** : 12/11/2016  
**Ngày quyết định đăng** : 25/12/2016